

BỘ QUỐC PHÒNG
Số: 1691/TT-QP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 7 năm 1997

THÔNG TƯ
CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996
của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ
và công cụ hỗ trợ

Căn cứ vào Điều 8, Điều 15 Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Điều 45 quy chế quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ban hành kèm theo Nghị định 47/CP ngày 12/8/1996.

Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG.

1. Vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, vũ khí thô sơ (gọi chung là các loại vũ khí) công cụ hỗ trợ gồm các loại được quy định tại điểm 1, điểm 3 Điều 1 Quy chế quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (gọi tắt là quy chế của Chính phủ) và một số loại khác như sau:

a. Vũ khí quân dụng (VKQD) gồm: Các loại súng ngắn, súng trường, súng liên thanh; các loại pháo, giàn phóng, bệ phóng, súng cối, súng ĐKZ, hoá chất độc và nguồn phóng xạ, các loại đạn, tên lửa, bom, mìn, lựu đạn, ngư lôi, thủy lôi, vật liệu nổ quân dụng, hỏa cụ và các vũ khí khác dùng cho mục đích Quốc phòng - An ninh.

b. Vũ khí thể thao (VKTT) gồm: Các loại súng trường, súng ngắn thể thao chuyên dùng các cỡ, các loại súng hơi, các loại vũ khí khác trong luyện tập, thi đấu thể thao và các loại đạn dùng cho các loại súng thể thao nói trên.

c. Vũ khí thô sơ (VKTS) gồm: Dao găm, các loại kiếm, giáo mác, đinh ba, đại đao, mã tấu, quả đấm bằng kim loại hoặc chất cứng, cung nỏ, côn, chông, cạm bẫy và các loại khác do Bộ Nội vụ quy định.

d. Công cụ hỗ trợ (CCHT) gồm các loại roi cao su, roi điện, gậy điện, găng tay điện, lưu đạn cay, súng bắn hơi cay, ngạt, độc, gây mê, bình xịt hơi cay, ngạt, độc, gây mê, súng bắn đạn nhựa, cao su, súng bắn la ze, súng bắn đinh, súng bắn từ trường và các loại công cụ hỗ trợ khác.

đ. Vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) bao gồm: các loại chất nổ và phụ kiện gây nổ (kíp nổ, ngòi nổ, dây nổ...) dùng trong xây dựng công trình quốc phòng, sản xuất công nghiệp và mục đích dân dụng khác.

2. Chính phủ thống nhất quản lý các loại vũ khí vật liệu nổ và CCHT trong phạm vi cả nước; Bộ Quốc phòng (BQP) được giao giúp Chính phủ quản lý các loại vũ khí, vật liệu nổ và CCHT trong phạm vi quản lý của mình và có trách nhiệm như đã quy định tại Điều 8 Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996. BQP giao chỉ huy các cấp trực tiếp quản lý các loại vũ khí, vật liệu nổ, CCHT và chịu trách nhiệm trong phạm vi quản lý của mình.

3. Nội dung quản lý các loại vũ khí, vật liệu nổ, CCH trong quân đội và dân quân tự vệ bao gồm: Quản lý việc chế tạo, sản xuất, sửa chữa, trang bị, sử dụng, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển, mua bán, thanh xử lý, huỷ... thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về quản lý các loại vũ khí, vật liệu nổ, CCHT theo các quy định của BQP, Điều lệnh quản lý bộ đội và điểm 1, điểm 2 Điều 4 Nghị định 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ.

4. Thảm quyền kiểm tra việc mang, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí, vật liệu nổ, CCHT đã được quy định tại Điều 6 Quy chế của Chính phủ nay hướng dẫn thêm như sau:

a. Người chỉ huy các cấp phải tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí, CCHT theo chức năng và phạm vi trách nhiệm được giao.

b. Tổ (đội) kiểm soát quân sự, đội tuần tra bộ đội Biên phòng trong khi làm nhiệm vụ theo địa bàn được giao, được quyền kiểm tra quân nhân khi ra ngoài doanh trại, dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ độc lập có mang các loại vũ khí, CCHT; phương tiện vận chuyển vũ khí của quân đội và dân quân tự vệ đi trên đường.

c. Trưởng đồn Biên phòng được quyền kiểm tra việc mang, sử dụng, vận chuyển các loại vũ khí, CCHT trong phạm vi địa bàn đồn biên phòng phụ trách.

d. Cục trưởng các Cục: Tác chiến, Quân lực, Quân huấn BTTM, Cục trưởng Cục Quân khí TCKT được quyền kiểm tra việc quản lý, sử dụng, bảo quản, vận chuyển các loại vũ khí,

CCHT của các đơn vị trong toàn quân.

đ. Cán bộ, chiến sĩ, nhân viên chuyên trách theo dõi công tác quản lý các loại vũ khí, CCHT, VLNCN ở các đơn vị, kho, nhà máy Quốc phòng, được quyền kiểm tra theo chức năng nhiệm vụ được giao.

II. QUẢN LÝ VŨ KHÍ QUÂN DỤNG, VŨ KHÍ THỂ THAO.

1. Các đối tượng được trang bị VKQD là các đơn vị quân đội (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng) các đơn vị dự bị động viên, khi tập trung huấn luyện, diễn tập kiểm tra, các đơn vị dân quân tự vệ để làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, huấn luyện, bảo vệ giữ gìn an ninh trật tự. Khi làm nhiệm vụ vũ khí bộ binh được trang bị cho từng cá nhân, chỉ những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 Quy chế của Chính và các quy định của BQP mới được trang bị.

VKTT được trang bị cho các trung tâm huấn luyện thể dục, thể thao quốc phòng phục vụ cho huấn luyện, thi đấu thể thao.

2. Quản lý VKQD, VKTT tại các đơn vị quân đội, đơn vị dự bị động viên:

Việc quản lý VKQD, VKTT các đơn vị phải thực hiện đúng quy định tại các Điều từ 171 đến Điều 177 mục I Chương IV Điều lệnh quản lý bộ đội ban hành 1/2/1991; Chế độ quản lý trang bị kỹ thuật, ban hành kèm theo Quyết định số 495/QĐ-QP ngày 3/12/1991 của Bộ trưởng BQP và các Quy định, Quy chế hiện hành của BQP.

Quyết định của Bộ tổng tham mưu (BTTM) về biên chế , trang bị VKQD, VKTT cho từng đơn vị, trung tâm huấn luyện thể dục thể thao quốc phòng được coi là giấy phép sử dụng vũ khí của đơn vị.

Cá nhân khi đi công tác lẻ hoặc làm nhiệm vụ đặc biệt được mang VKQD, VKTT phải kèm theo giấy phép sử dụng do chỉ huy từ cấp trung đoàn hoặc tương đương trở lên ký; khi đi công tác về hoặc đã thực hiện xong nhiệm vụ phải nộp giấy phép để đơn vị quản lý và trình báo tình trạng vũ khí với người chỉ huy trước khi lau chùi cất vào tủ súng. Giấy phép sử dụng vũ khí theo mẫu quy định của BTTM.

Đối với súng bộ binh để làm nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, tuần tra canh gác, khi không làm nhiệm vụ phải để trong tủ súng như đã quy định tại Chương 3 "Quy định bảo đảm

kỹ thuật cho súng pháo, khí tài, đạn dược (lục quân) ở đơn vị" ban hành kèm theo Quyết định số 482/QĐ-QP ngày 10/4/1995 của Bộ trưởng BQP; tủ súng phải có khoá.

Đối với vũ khí hoả lực lớn phải để tại thao trường hoặc vũ khí trực chiến để tại trận địa phải có người canh gác thường xuyên.

Trong diễn tập, huấn luyện nếu có sử dụng đạn, vật liệu nổ, hoả cụ... việc quản lý, cấp phát phải chặt chẽ. Kết thúc diễn tập, huấn luyện diễn tập, huấn luyện phải kiểm tra, thu gom phân loại đăng ký, sử lý theo quy định.

3. Quản lý VKQD, VKTT của đơn vị dân quân tự vệ:

a. Số lượng VKQD trang bị cho các đơn vị, phân đội luân phiên thường trực, lực lượng làm nhiệm vụ cơ động, tuần tra, bảo vệ an ninh trật tự do BTMM quy định. VKQD được trang bị phải quản lý tập trung tại xã, phường, thị trấn bảo đảm yêu cầu an toàn, an ninh, tác chiến có người bảo vệ. Nếu vũ khí không sử dụng đến hoặc không còn nhu cầu trang bị, Ban Chỉ huy Quân sự Huyện, Quận, thị xã (gọi chung là BCHQS cấp huyện) phải thu hồi về kho quản lý theo quy định của BQP.

Nghiêm cấm mang VKQD về nhà riêng hoặc sử dụng không đúng nhiệm vụ được giao.

Vũ khí hoả lực lớn (nếu có) trực chiến để tại trận địa, quản lý như đơn vị quân đội quy định tại điểm 2 phần II Thông tư này.

Quyết định của BTMM về biên chế vũ khí trang bị cho từng đơn vị dân quân tự vệ được coi là giấy phép sử dụng vũ khí của đơn vị đó.

Những đơn vị dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ trên vùng biển được giao nếu mang theo VKQD phải có giấy phép chỉ huy trưởng BCHQS cấp huyện trở lên cấp theo quy định của BQP và chỉ được sử dụng vũ khí vào đúng với nhiệm vụ được giao.

Cá nhân khi làm nhiệm vụ độc lập được mang VKQD, VKTT phải kèm theo giấy phép sử dụng vũ khí do Chỉ huy trưởng BCHQS cấp huyện ký, nếu mang ra khỏi phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải có giấy phép do Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) ký. Giấy phép sử dụng vũ khí theo mẫu quy định của BTMM.

b. VKQD, VKTT trang bị cho đơn vị dân quân tự vệ để huấn luyện, thi đấu thể thao theo kế hoạch hàng năm do BCHQS cấp huyện bảo đảm. Hết thời gian huấn luyện vũ khí được lau

chủi trả lại BCHQS cấp huyện quản lý; thủ tục cấp phát, thu hồi thực hiện đúng quy định của BQP.

Đối với vũ khí hoả lực lớn phải để tại thao trường sau buổi tập, phải cử người canh gác.

Trong huấn luyện, diễn tập nếu có sử dụng đạn, chất nổ, hoả cụ khi xong nhiệm vụ phải thu gom quản lý chặt chẽ, không sử dụng hết phải trả trên. Cơ quan quân sự các cấp phải quản lý chặt chẽ quá trình cấp phát, sử dụng, thu hồi, xử lý, giao nộp.

4. VKQD bảo đảm cho môn học giáo dục quốc phòng, các trung tâm giáo dục quốc phòng và các đơn vị phải thực hiện theo Chỉ thị số 484/CT-QP ngày 28/11/1991 của Bộ trưởng BQP .

a. Đối với các trung tâm giáo dục quốc phòng trong các trường quân đội, việc quản lý VKQD thực hiện theo qui định tại điểm 2 phần II Thông tư này.

b. Cơ quan quân sự địa phương, các trung tâm giáo dục quốc phòng hoặc các đơn vị quân đội có nhiệm vụ giúp các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông huấn luyện quân sự, khi sử dụng VKQD để huấn luyện phải quản lý chặt chẽ, vũ khí được mang đến phục vụ từng buổi tập, sau buổi tập phải thu về đơn vị quản lý .

5. VKQD, VKTT trưng bày tại bảo tàng, nhà truyền thống của đơn vị quân đội do Giám đốc bảo tàng, Chỉ huy nhà truyền thống trực tiếp chịu trách nhiệm quản lý. Các loại vũ khí trưng bày phải được đăng ký số lượng, chủng loại với cơ quan chức năng để thống nhất quản lý chặt chẽ và nhất thiết phải được vô hiệu hoá tính năng chiến đấu trước khi đưa ra trưng bày để được bảo đảm an toàn.

6- Sản xuất, sửa chữa VKQD, VKTT phải theo kế hoạch của BQP hoặc hợp đồng ký với cơ quan, tổ chức ngoài quân đội đã được BQP phê duyệt và chỉ được tiến hành tại các trạm, xưởng, nhà máy quốc phòng.

Các loại vũ khí, tùy theo mức độ hư hỏng, theo kế hoạch của ngành quân khí cấp trên được tiến hành sửa chữa lớn, vừa, nhỏ tại các trạm, các xưởng, nhà máy quốc phòng như đã quy định tại Điều 8 Điều lệ công tác kỹ thuật quân khí Quân đội nhân dân Việt nam (QĐNDVN) ban hành kèm theo Quyết định số 1886/QĐ-QP ngày 24/10/1996 của Bộ trưởng BQP và các quy định có liên quan khác của BQP. Tổng cục kỹ thuật có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra từng đơn vị thực hiện.